

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-11-2018

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Sơn Thị Vành Đa.

Ông Trần Thanh Răng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Hồng Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Diễm S, sinh năm 1995; cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1993; cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Ngọc T; cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 8 năm 2018 nguyên đơn chị Võ Thị Diễm S trình bày:

Vào tháng 12 năm 2014, chị Võ Thị Diễm S và anh Nguyễn Hoàng K có

đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 285, quyển số II, ngày 24 tháng 12 năm 2014, đến tháng 01 năm 2015 chị S và anh K mới tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới, chị S và anh K sống cùng gia đình anh K tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 10 năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống không còn hạnh phúc, chị S và anh K không còn sống chung từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị S và anh K có một con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2016, hiện nay chị S đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N.

Về tài sản chung: Chị S và anh K có tiền mặt 100.000.000 đồng, số tiền này vợ chồng chị S gửi cho mẹ chồng chị S là bà Trần Ngọc T giữ dùm.

Về nợ chung: Không có.

Chị Võ Thị Diễm S yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị Diễm S yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K.

- Về con chung: Chị Võ Thị Diễm S yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2016 đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị S yêu cầu bà Trần Ngọc T trả lại cho vợ chồng chị S số tiền 100.000.000 đồng, chị S yêu cầu chia đôi, chị S nhận 50.000.000 đồng, anh K nhận 50.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Võ Thị Diễm S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung là chị S tự thỏa thuận với bà T, anh K, không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 312/TB-TLVA ngày 31 tháng 8 năm 2018, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Hoàng K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc T, nhưng anh K và bà T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị S. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với anh K và bà T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K và bà T đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh K và bà T trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng ý kiến, không còn sống chung với nhau, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2016 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị Diễm S và anh Nguyễn Hoàng K cùng cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị S có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K và yêu cầu được nuôi con chung và chia tài sản chung. Chị S đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho chị S nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị S đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị Võ Thị Diễm S là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Võ Thị Diễm S thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Theo đơn khởi kiện, về phân tài sản chung, chị Võ Thị Diễm S yêu cầu bà Trần Ngọc T trả lại cho vợ chồng chị S số tiền 100.000.000 đồng, chị S yêu cầu chia đôi, chị S nhận 50.000.000 đồng, anh K nhận 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị S thay đổi yêu cầu khởi kiện là chị S tự thỏa thuận với bà T, anh K, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc thay đổi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật về tranh chấp: Chị Võ Thị Diễm S có đơn khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K, yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2016 và yêu cầu được chia tài sản chung là 100.000.000 đồng nên khi thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn”. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung là chị S tự thỏa thuận với bà T, anh K, không yêu cầu Tòa án giải quyết và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[1.4] Đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hoàng K và bà Trần Ngọc T.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Diễm S, sinh năm 1995 và anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1993 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 285, quyển số II, ngày 24 tháng 12 năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Diễm S và anh Nguyễn Hoàng K là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Võ Thị Diễm S, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị S, anh K hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 10 năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị S, anh K không còn sống chung từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay và chị S, anh K đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

[5] Về con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2016 đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị S, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay cháu N đều do chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay cháu N dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2016 cho chị S nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị S không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu N đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Hoàng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh K không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Võ Thị Diễm S.

[8] Về tài sản chung: Chị Võ Thị Diễm S, anh Nguyễn Hoàng K và bà Trần Ngọc T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về nợ chung: Chị Võ Thị Diễm S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Chị Võ Thị Diễm S là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Anh Nguyễn Hoàng K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 3 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Diễm S và anh Nguyễn Hoàng K được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2016 cho chị Võ Thị Diễm S nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Hoàng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh K không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị S.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Diễm S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Diễm S, anh Nguyễn Hoàng K và bà Trần Ngọc T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét

5. Về nợ chung: Chị Võ Thị Diễm S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Chị Võ Thị Diễm S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 1.550.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0003476 ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho chị Võ Thị Diễm S số tiền chênh lệch 1.250.000 đồng.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn